

Số: /QĐ-UBND

Đức Cơ, ngày tháng 11 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
Về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công
trung hạn giai đoạn 2021-2025

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

*Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của
Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;*

*Căn cứ Nghị quyết số 128/2020/NQ-HĐND, ngày 09 tháng 11 năm 2020
của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai về ban hành quy định các nguyên tắc, tiêu
chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai
đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai;*

*Căn cứ Nghị quyết số 146/NQ-HĐND ngày 20 tháng 9 năm 2022 của
Hội đồng nhân dân huyện về điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung
hạn giai đoạn 2021-2025;*

*Căn cứ Nghị quyết số 214/NQ-HĐND ngày 06 tháng 11 năm 2023 của
Hội đồng nhân dân huyện về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công
trung hạn giai đoạn 2021-2025;*

*Căn cứ Quyết định số 2263/QĐ-UBND ngày 21 tháng 9 năm 2022 của
Ủy ban nhân dân huyện về việc giao kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn
2021-2025;*

*Xét Tờ trình số 69/TTr-TCKH ngày 07 tháng 11 năm 2023 của Phòng Tài
chính - Kế hoạch.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn
2021-2025 của huyện Đức Cơ, cụ thể như sau:

**1. Điều chỉnh kế hoạch đầu tư nguồn vốn tỉnh phân cấp cho huyện
quyết định đầu tư.**

Nội dung: Điều chỉnh danh mục và mức vốn, thời gian thực hiện một số dự án tại Biểu số 1- Quyết định số 2263/QĐ-UBND ngày 21 tháng 9 năm 2022 của Ủy ban nhân dân huyện, cụ thể:

1.1. Điều chỉnh giảm vốn đầu tư: 3.407,532 triệu đồng, gồm:

- Dừng đầu tư 01 dự án: Trường THCS Nguyễn Huệ. Số vốn giảm 2.000,0 triệu đồng. Lý do: Đã có kế hoạch sáp nhập với Trường Trung học phổ thông Tôn Đức Thắng.

- Giảm vốn đầu tư 08 dự án: Nhà làm việc Ban chỉ huy quân sự xã Ia Lang, Trường Tiểu học Ngô Mây, Trường Tiểu học Phan Chu Trinh, Trường Mầm non Hải Âu, Di tích lịch sử chiến thắng Chư Ty, Duy tu, bảo dưỡng Đường Anh Hùng Núp, Trụ sở UBND xã Ia Lang, Cắm mốc theo đề án khu quy hoạch chi tiết xây dựng khu dân cư Tổ dân phố 6. Số vốn giảm 1.049,532 triệu đồng. Lý do: Dự án hoàn thành còn dư vốn.

- Giảm nguồn dự phòng: 358,0 triệu đồng.

1.2. Điều chỉnh tăng vốn đầu tư: 3.407,532 triệu đồng, gồm:

- Bổ sung mới 01 dự án: Trường Tiểu học Kpă Klong. Số vốn tăng 2.850 triệu đồng.

- Bố trí vốn đối ứng Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, đề đầu tư 02 dự án: Đường liên xã Ia Pnôn - Ia Nan (đoạn từ trung tâm xã đi quốc lộ 14C) và Đường liên xã Ia Din - Ia Lang (từ làng Yít Rông xã Ia Din đến làng Phang xã Ia Lang). Số vốn tăng 450,0 triệu đồng.

- Bố trí vốn chuẩn bị đầu tư dự án năm 2024, số tiền 107,532 triệu đồng.

1.3. Điều chỉnh thời gian đầu tư các dự án: Điều chỉnh thời gian đầu tư dự án: Nâng cấp, mở rộng đường Chu Văn An và Diễm tham quan du lịch cây di sản Việt Nam, từ năm 2024 sang 2 năm (2024-2025).

2. Điều chỉnh kế hoạch đầu tư nguồn vốn tiền sử dụng đất.

Nội dung: Điều chỉnh danh mục và mức vốn, thời gian thực hiện một số dự án tại Biểu số 2- Quyết định số 2263/QĐ-UBND ngày 21 tháng 9 năm 2022 của Ủy ban nhân dân huyện, cụ thể:

2.1. Điều chỉnh giảm vốn đầu tư: 16.741,0 triệu đồng, gồm:

- Giảm vốn đầu tư dự án: Di tích lịch sử chiến thắng Chư Ty. Số vốn giảm 610,0 triệu đồng. Lý do: Dự án hoàn thành còn dư vốn.

- Giảm vốn đầu tư dự án: Nâng cấp, mở rộng đường Nguyễn Chí Thanh, thị trấn Chư Ty. Số vốn giảm 1.200,0 triệu đồng. Lý do: Bố trí vốn theo quyết định phê duyệt dự án.

- Giảm tiền sử dụng đất trích nộp quỹ phát triển đất của tỉnh 14.931,0 triệu đồng. Lý do: Năm 2023 tỉnh không yêu cầu trích nộp.

2.2. Điều chỉnh tăng vốn đầu tư: 16.741,0 triệu đồng, gồm:

- Bổ sung mới 01 dự án: Đường giao thông và hạ tầng kỹ thuật khu dân cư quy hoạch Tổ dân phố 6, thị trấn Chư Ty. Số vốn tăng 14.700,0 triệu đồng.

- Điều chỉnh tăng vốn dự án Nhà văn hóa xã Ia Dok 900,0 triệu đồng.

- Điều chỉnh tăng dự phòng tiền sử dụng đất 1.141,0 triệu đồng.

2.3. Điều chỉnh nguồn vốn tiền sử dụng đất phân cấp cho xã quyết định đầu tư: Điều chỉnh kế hoạch vốn năm 2023, năm 2024 và năm 2025 cho phù hợp với khả năng thu thực tế; tổng nguồn vốn giai đoạn 2021-2025 của từng xã không thay đổi so với Quyết định số 2263/QĐ-UBND ngày 21 tháng 9 năm 2022 của Ủy ban nhân dân huyện.

(Nội dung điều chỉnh chi tiết theo Biểu số 1, 2, 3 kèm theo).

Điều 2. Căn cứ vào kế hoạch này, thủ trưởng các ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn, các chủ đầu tư tổ chức hoàn thiện các thủ tục đầu tư theo đúng quy định của Luật Đầu tư công và các quy định khác có liên quan.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Các nội dung khác: Thực hiện theo Quyết định số 2263/QĐ-UBND ngày 21 tháng 9 năm 2022 của Ủy ban nhân dân huyện.

Chánh Văn phòng HĐND và UBND huyện, Trưởng các phòng: Tài chính - Kế hoạch; Kinh tế và Hạ tầng, Tài nguyên và Môi trường, Giám đốc Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Đức Cơ, Đội trưởng Đội công trình Giao thông và Dịch vụ Đô thị, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn, Giám đốc Kho bạc Nhà nước Đức Cơ và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Sở Kế hoạch và Đầu tư;
- Sở Tài chính;
- Thường trực Huyện ủy (Báo cáo);
- Thường trực HĐND huyện;
- Lãnh đạo UBND huyện;
- Đảng ủy, HĐND các xã, thị trấn;
- Lưu: VT-VP.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Vũ Mạnh Định

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021-2025 SAU ĐIỀU CHỈNH
Nguồn vốn tỉnh phân cấp cho huyện quyết định đầu tư
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND, ngày tháng 11 năm 2023 của Ủy ban nhân dân huyện)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Tên dự án	Địa điểm xây dựng	Kế hoạch đầu tư theo Quyết định số 2263/QĐ-UBND ngày 21/9/2022 của UBND huyện				Điều chỉnh giảm vốn	Điều chỉnh tăng vốn	Kế hoạch đầu tư sau điều chỉnh				Ghi chú
			Thời gian KC-HT	Nghị quyết, Quyết định chủ trương đầu tư	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch đầu tư giai đoạn 2021-2025			Nghị quyết điều chỉnh chủ trương đầu tư	Thời gian KC-HT	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch đầu tư sau điều chỉnh	
1	2	3	4	6	7	8	9	10	11	12	12	13	14
I	Các dự án, nội dung điều chỉnh giảm vốn				28.236,900	20.190,300	3.407,532				25.778,900	16.782,768	
1	Nhà làm việc Ban chỉ huy quân sự xã Ia Lang	Xã Ia Lang	Năm 2022	48/NQ-HĐND ngày 23/7/2021; 2961/QĐ-UBND ngày 26/11/2021	840,000	800,000	28,084				840,000	771,916	
2	Trường Tiểu học Ngô Mây	Xã Ia Kla	Năm 2022	42/NQ-HĐND ngày 23/7/2021; 2962/QĐ-UBND ngày 26/11/2021	6.300,000	5.840,000	286,228				6.300,000	5.553,772	
3	Trường Tiểu học Phan Chu Trinh	Xã Ia Kla	Năm 2022	51/NQ-HĐND ngày 23/7/2021; 3190, ngày 17/12/2021	1.650,000	1.600,000	65,012				1.650,000	1.534,988	
4	Trường Mầm non Hải Âu	Xã Ia Krêl	Năm 2022	52/NQ-HĐND ngày 23/7/2021; 3019/QĐ-UBND ngày 01/12/2021	520,000	500,000	26,579				520,000	473,421	
5	Trường THCS Nguyễn Huệ	Xã Ia Din	Năm 2024	45/NQ-HĐND ngày 23/7/2021	2.100,000	2.000,000	2.000,000		207/NQ-HĐND ngày 06/11/2023		0,000	0,000	
6	Di tích lịch sử chiến thắng Chư Ty	Thị trấn Chư ty	Năm 2022-2023	84/NQ-HĐND ngày 18/8/2021	12.110,000	5.042,000	492,000				12.110,000	4.550,000	Lồng ghép vốn tiền sử dụng đất
7	Duy tu, bảo dưỡng Đường Anh Hùng Núp	Thị trấn Chư Ty	Năm 2022	40/NQ-HĐND ngày 23/7/2021; 2892/QĐ-UBND ngày 19/11/2021	2.310,000	2.140,000	63,243				2.310,000	2.076,757	
8	Trụ sở UBND xã Ia Lang	Xã Ia Lang	Năm 2022	60/NQ-HĐND ngày 23/7/2021; 3020/QĐ-UBND ngày 01/12/2021	1.570,000	1.500,000	88,088				1.570,000	1.411,912	
9	Cắm mốc theo đề án khu quy hoạch chi tiết xây dựng khu dân cư Tổ dân phố 6 (giáp trường THCS dân tộc nội trú)	Thị trấn Chư ty	Năm 2022	162/NQ-HĐND ngày 21/12/2022	336,900	268,300	0,298				336,900	268,002	
10	Dự phòng vốn phân cấp huyện quyết định đầu tư				500,000	500,000	358,000				142,000	142,000	(1)

TT	Tên dự án	Địa điểm xây dựng	Kế hoạch đầu tư theo Quyết định số 2263/QĐ-UBND ngày 21/9/2022 của UBND huyện				Điều chỉnh giảm vốn	Điều chỉnh tăng vốn	Kế hoạch đầu tư sau điều chỉnh				Ghi chú
			Thời gian KC-HT	Nghị quyết, Quyết định chủ trương đầu tư	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch đầu tư giai đoạn 2021-2025			Nghị quyết điều chỉnh chủ trương đầu tư	Thời gian KC-HT	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch đầu tư sau điều chỉnh	
1	2	3	4	6	7	8	9	10	11	12	12	13	14
II	Các dự án, nội dung điều chỉnh tăng vốn				15.000,000	5.250,000	0,000	3.407,532	0,000	0,000	15.107,532	5.807,532	
1	Trường Tiểu học Kpă Klong	xã Ia Nan			3.000,000	2.850,000		2.850,000	210/NQ-HĐND ngày 06/11/2023	Năm 2024	3.000,000	2.850,000	
2	Đường liên xã Ia Pnôn - Ia Nan (đoạn từ trung tâm xã đi quốc lộ 14C)	xã Ia Pnôn, Ia Nan	Năm 2022-2023	2261a/QĐ-UBND ngày 20/9/2022	9.000,000	2.400,000		153,000	2261a/QĐ-UBND ngày 20/9/2022		9.000,000	2.553,000	Vốn đối ứng
3	Đường liên xã Ia Din - Ia Lang (từ làng Yít Rông xã Ia Din đến làng Phang xã Ia Lang)	xã Ia Din, Ia Lang	Năm 2023-2024	1500/QĐ-UBND ngày 19/7/2023	3.000,000	0,000		297,000	1500/QĐ-UBND ngày 19/7/2023		3.000,000	297,000	
4	Chuẩn bị đầu tư dự án năm 2024							107,532		Năm 2023	107,532	107,532	(2)
III	Các dự án điều chỉnh thời gian đầu tư				6.600,000	3.940,000					6.600,000	3.940,000	
1	Điểm tham quan du lịch cây di sản Việt Nam	Xã Ia Dok	Năm 2024	74/NQ-HĐND ngày 18/8/2021	4.100	2.000			208/NQ-HĐND ngày 06/11/2023	Năm 2024-2025	4.100,000	2.000,000	
2	Nâng cấp, mở rộng đường Chu Văn An (Đoạn Quang Trung đến đường Liên xã)	Thị trấn Chư Ty	Năm 2024	67/NQ-HĐND ngày 18/8/2021	2.500	1.940			209/NQ-HĐND ngày 06/11/2023	Năm 2024-2025	2.500,000	1.940,000	

Ghi chú: (1) Vốn dự phòng tại Quyết định 2263/QĐ-UBND là 750 triệu đồng, đã được điều chỉnh giảm 250 triệu đồng để bổ sung vốn dự án Nhà làm việc Ban chỉ huy quân sự thị trấn Chư Ty. Dự phòng còn lại là 500 triệu đồng.
(2) Chuẩn bị đầu tư Dự án Đường giao thông và hạ tầng kỹ thuật khu dân cư quy hoạch Tổ dân phố 6, thị trấn Chư Ty.

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021-2025 SAU ĐIỀU CHỈNH

Nguồn vốn tiền sử dụng đất

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND, ngày tháng 11 năm 2023 của Ủy ban nhân dân huyện)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Tên dự án	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Kế hoạch đầu tư theo Quyết định số 2263/QĐ-UBND ngày 21/9/2022 của UBND huyện			Điều chỉnh giảm vốn	Điều chỉnh tăng vốn	Kế hoạch đầu tư sau điều chỉnh			Ghi chú
				Nghị quyết, Quyết định chủ trương đầu tư	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch đầu tư giai đoạn 2021-2025			Nghị quyết, Quyết định chủ trương đầu tư	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch đầu tư giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh	
1	2	3	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
I	Các dự án, nội dung điều chỉnh giảm vốn				73.110,0	60.110,0	16.741,0		0	46.069,0	43.369,0	
1	Di tích lịch sử Chiến thắng Chư Ty	Thị trấn Chư ty	Năm 2022-2023	84/NQ-HĐND ngày 18/8/2021	12.110,0	610,0	610,0				0,0	Vốn giải phóng mặt bằng
2	Nâng cấp, mở rộng đường Nguyễn Chí Thanh thị trấn Chư Ty	Thị trấn Chư Ty	Năm 2023-2024	138/NQ-HĐND ngày 20/9/2022; 2677/QĐ-UBND ngày 18/11/2022	23.000,0	21.500,0	1.200,0			23.000,0	20.300,0	
3	Tiền sử dụng đất trích nộp Quỹ phát triển đất của tỉnh				38.000,0	38.000,0	14.931,0			23.069,0	23.069,0	
II	Các dự án, nội dung điều chỉnh tăng vốn				9.161,0	6.321,0		16.741,0	0,0	26.102,0	23.062,0	
1	Nhà văn hóa xã Ia Dok	Xã Ia Dok	Năm 2023	53/NQ-HĐND ngày 23/7/2021	2.840,0			900,0	186/NQ-HĐND ngày 25/4/2023	3.740,0	900,0	Lòng ghép vốn tỉnh phân cấp
2	Đường giao thông và hạ tầng kỹ thuật khu dân cư quy hoạch Tổ dân phố 6, thị trấn Chư Ty.	Thị trấn Chư Ty	Năm 2024-2025					14.700,0	211/NQ-HĐND ngày 06/11/2023	14.900,0	14.700,0	
3	Dự phòng nguồn vốn tiền sử dụng đất				6.321,0	6.321,0		1.141,0		7.462,0	7.462,0	

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021-2025 SAU ĐIỀU CHỈNH**Nguồn vốn tiền sử dụng đất phân cấp cho xã đầu tư***(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND, ngày tháng 11 năm 2023 của Ủy ban nhân dân huyện)**Đơn vị: Triệu đồng*

TT	Đơn vị	Kế hoạch đầu tư giai đoạn 2021-2025	Trong đó					Ghi chú
			Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	
	TỔNG SỐ	72.000,0	7.000,0	9.360,0	10.152,0	21.559,2	23.928,8	
1	Xã Ia Nan	8.500,0	1.600,0	864,0	792,0	2.880,0	2.364,0	
2	Xã Ia Pnôn	2.300,0	160,0	432,0	216,0	504,0	988,0	
3	Xã Ia Dom	5.500,0	896,0	1.440,0	720,0	2.160,0	284,0	
4	Xã Ia Kriêng	15.500,0	1.768,0	2.044,8	5.760,0	1.800,0	4.127,2	
5	Xã Ia Krêl	23.000,0	1.040,0	4.032,0	720,0	10.656,0	6.552,0	
6	Xã Ia Din	5.500,0	1.120,0	244,8	1.296,0	2.839,2		
7	Xã Ia Dok	10.550,0	80,0	216,0	288,0	720,0	9.246,0	
8	Xã Ia Kla	1.000,0	240,0	43,2	360,0	0,0	356,8	
9	Xã Ia Lang	150,0	96,0	43,2		0,0	10,8	